

TRẬN LŨ LỤT NĂM 2000 Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Minh Quang

PHẦN MỞ ĐẦU

Một lần nữa, vùng đồng bằng sông Cửu Long ở miền nam Việt Nam (ĐBSCL) lại đắm chìm trong biển nước của trận lũ lụt đầu thiên kỷ: Lụt năm Thìn! Hình ảnh hiền hòa của nước sông Cửu Long đang lững lờ uốn khúc qua các sông rạch và kinh đào trong khắp ĐBSCL bên những rặng tràm hay những hàng dừa nước đã được thay thế bởi những dòng nước lũ đang cuồn cuộn đổ về từ biên giới. Nước lũ sông Cửu Long năm 2000 cuồn đi tất cả mọi thứ, từ một mái nhà tranh vách đất ợp ẹp và xiêu vẹo cho đến những công trình được xem là đồ sộ và vững chắc nhất để “chống lũ.” “Không một ai ‘cả tin’ cho rằng với hệ thống thủy lợi lớn thoát lũ ra biển Tây và hàng loạt các công trình thủy lợi vừa và nhỏ khác được các tỉnh vùng lũ ráo riết thực hiện trong những năm qua có thể giúp ĐBSCL an nhiên tự tại khi lũ từ thượng nguồn đổ về” (1). “Giặc nước” (2) đã tràn vào vùng ĐBSCL như chỗ không người: nước đổ vào nội đồng Đồng Tháp Mười (ĐTM) (Hình 1), nước tràn vào khu Tứ giác Long Xuyên (TGLX); và nước tiến vào... thị xã và thành phố. Thị trấn Mộc Hóa đã biến thành một Venice của Long An vì người dân Mộc Hóa phải dùng xuồng để... đi phố (Hình 2) (3). “Nhiều người dân sinh ra và lớn lên tại đất đồng bằng này, từng chứng kiến các trận lũ năm 1978, 1991, 1995, 1996 chưa bao giờ thấy con nước lũ dâng cao và uy hiếp dữ dội một đô thị trên vùng cao như trận lũ năm Thìn này tại Châu Đốc” (4). Nước lũ cũng đã tràn vào và gây lụt lội ở các thị xã Cao Lãnh và Sa Đéc của tỉnh Đồng Tháp, thị xã Long Xuyên của tỉnh An Giang, thành phố Cần Thơ của tỉnh Cần Thơ (5), thị xã Tân An của tỉnh Long An (6), thị xã Vĩnh Long của tỉnh Vĩnh Long và thị xã Mỹ Tho của tỉnh Tiền Giang (7), và đang... “tiến về Sài Gòn” (8). Trong khung cảnh đó, trận lũ lụt năm 2000 ở ĐBSCL có nhiều khía cạnh hết sức đặc thù mà bài viết sẽ nhăm đến và trình bày sau đây.



Cảnh ngập lụt ở Tam Nông, Đồng Tháp

SƠ LƯỢC VỀ TRẬN LŨ LỤT NĂM THÌN 2000

“Năm Thìn bão lụt” là câu nói quen thuộc của ông già bà cả ở Nam Kỳ. Cứ mỗi lần sắp đến năm Thìn (chu kỳ 12 năm), các cụ thường ngâm ngùi kể lại cho con cháu nghe về sự tàn phá của trận bão kinh hồn đó” (...) Trận bão xảy ra ngày rằm tới 17 tháng 3 âm lịch [năm Giáp Thìn], tức ngày 1-5 tới 3 tháng 5-1904 dương lịch. Trận bão kèm theo trận lụt kinh hồn. Hiện tượng sóng thần từ biển Đông tràn vào Gò Công, Bến Tre, Mỹ Tho, Trà Vinh,... làm cho cả vùng này chỉ trong một ngày một đêm trở thành một biển nước mênh mông. (...) Từ năm Giáp Thìn 1904, cho đến cuối thế kỷ 20 này, ở miền Nam, đã xảy ra hàng trăm trận bão lụt, nhưng chưa có trận nào mà sức tàn phá ghê gớm như vậy... Trận bão lụt ấy cứ ám ảnh người dân miền Nam, khiến họ lo sợ, cứ đến năm Thìn, thì mọi người pháp phồng lo sợ” (9). Mặc dù bão lụt năm Giáp Thìn 1904 không có liên quan trực tiếp đến lũ lụt năm Canh Thìn 2000, nỗi lo sợ pháp phồng của người dân ĐBSCL không phải là vô cớ, bởi vì trận lũ lụt năm 2000 cũng đến với họ một cách thật... bất ngờ và khủng khiếp!

Lũ lụt ở ĐBSCL được lượng định bằng mức nước của sông Tiền tại Tân Châu và sông Hậu tại

Châu Đốc. Hàng năm, do ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Tây Nam, mực nước sông Cửu Long ở hai trạm Tân Châu và Châu Đốc bắt đầu dâng lên vào khoảng cuối tháng 6 hoặc đầu tháng 7. Mực nước tiếp tục dâng ở mức độ cao và nhanh trong tháng 8 và đạt đến mức cao nhất vào cuối tháng 9 hoặc đầu tháng 10. Sau đó, mực nước hạ dần rồi rút xuống thật nhanh trong tháng 11 và 12 để trở lại mức bình thường vào cuối tháng 12 hoặc đầu tháng 1. Có lẽ vì lũ lụt xảy ra thường xuyên, người dân DBSCL gọi khoảng thời gian nước sông Cửu Long dâng cao là “mùa nước nổi.” Theo tiêu chuẩn của Ủy ban Quốc tế Mekong, “mùa nước nổi” là mùa nước mà mực nước cao nhất tại Châu Đốc nằm trong khoảng từ 3,80 m cho đến 4,20 m. Nếu mực nước cao nhất tại Châu Đốc cao hơn 4,20 m, DBSCL bị lụt. Nếu mực nước cao nhất tại Châu Đốc thấp hơn 3,80 m, năm đó bị hạn hán. Dựa theo tài liệu đo đạc từ năm 1941 cho đến nay, trận lũ lụt năm 1961 được xem là trận lụt lớn nhất với mực nước của sông Hậu tại Châu Đốc là 4,94 m và sông Tiền tại Tân Châu là 5,28 m (Hình 3). Trận lũ lụt lớn thứ hai xảy ra trong năm 1966 với mực nước cao nhất đo được 4,89 m tại Châu Đốc và 5,19 m tại Tân Châu (10). Trận lũ lụt gần nhất xảy ra năm 1996 với mực nước cao nhất đo được 4,71 m ở Châu Đốc và 5,09 m ở Tân Châu. Trận lũ lụt năm 1978 cũng là một trận lũ lụt đáng ghi nhớ với mực nước cao nhất đo được 4,49 m ở Châu Đốc và 4,94 m ở Tân Châu (11).

Trong trận lũ lụt 2000, mực nước sông Cửu Long bắt đầu dâng cao và nhanh từ đầu tháng 7, tức sớm hơn bình thường khoảng một tháng. Đến ngày 17 tháng 7, mực nước trong sông Tiền và sông Hậu đã lên đến 3,18 m tại Tân Châu và 2,66 m tại Châu Đốc (12). Mực nước trong sông Tiền và sông Hậu tiếp tục dâng rất nhanh trong cuối tháng 7 và lên đến 4,22 m tại Tân Châu và 3,79 m tại Châu Đốc vào ngày 1 tháng 8 năm 2000 (Hình 4). Nước lũ trong sông Cửu Long giao động ở mức này cho đến cuối tháng 8 thì bắt đầu dâng trở lại ở một mức độ cao. Mực nước cao nhất trong sông Cửu Long đo được 5.06 m tại Tân Châu và 4.90 m tại Châu Đốc vào ngày 23 tháng 9 (13).

Mực nước ở một số trạm khác trong DBSCL được ghi nhận như sau:

Trạm	Mực nước cao nhất
Xuân Tô (An Giang)	4,66 m (24/9/2000)
Tri Tôn (An Giang)	2,98 m (27/9/2000)
Ba Thê (An Giang)	2,11 m (25/9/2000)
Long Xuyên (An Giang)	2,60 m (27/9/2000)
Chợ Mới (Đồng Tháp)	3,56 m (27/9/2000)
Hưng Thạnh (Đồng Tháp)	3,54 m (25/9/2000)
Cao Lãnh (Đồng Tháp)	2,55 m (25/9/2000)
Vĩnh Hưng (Long An)	4,04 m (20/9/2000)
Mộc Hóa (Long An)	3,27 m (25/9/2000)
Kiến Bình (Long An)	2,66 m (27/9/2000)
Tuyên Nhơn (Long An)	2,30 m (25/9/2000)
Tân An (Long An)	1,65 m (30/9/2000)
Bến Lức (Long An)	1,37 m (30/9/2000)
Tân Hiệp (Kiên Giang)	1,61 m (25/9/2000)
Giồng Riềng (Kiên Giang)	0,71 m (25/9/2000)
Mỹ Thuận (Tiền Giang)	1,78 m (30/9/2000)
Cần Thơ (Cần Thơ)	1,79 m (30/9/2000)

Dựa theo dữ kiện mực nước nêu trên, mực nước cao nhất của trận lũ lụt năm 2000 tại Tân Châu thấp hơn mực nước cao nhất của trận lũ lụt năm 1996 (5,09 m) 6 cm; tuy nhiên, mực nước cao nhất của trận lũ lụt năm 2000 tại Châu Đốc lại cao hơn mực nước cao nhất của trận lũ lụt năm 1996 (4.71 m) 19 cm và của trận lũ lụt năm 1966 (4.89 m) 1 cm (Hình 3). “*Nước lũ nội đồng vùng Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên tiếp tục lên và ngập lụt càng nghiêm trọng hơn. Mực nước lúc 7 giờ sáng ngày 23 tháng 9 tại Hưng Thạnh là 3,50 mét (cao hơn đỉnh lũ năm 1996 là 28 cm), tại Mộc Hóa là 3,19 mét (cao hơn đỉnh lũ năm 1978 là 33 cm), tại Cao Lãnh là 2,53 mét (lúc 13 giờ ngày 22, cao hơn đỉnh lũ năm 1996 là 23 cm); tại Xuân Tô là 4,66 mét (cao hơn đỉnh lũ năm 1996 là 44 cm), tại Tri Tôn là 2,93 mét... Mực nước trên sông, rạch vùng Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên tiếp tục lên và cao hơn mức lũ cao nhất các năm 1978, 1996 khoảng 30 – 50 cm*” (14).

Các con số thống kê chưa đầy đủ được chính thức công bố cho thấy số thiệt hại về người và của cải do trận lũ lụt năm 2000 gây ra rất nặng nề. “*Theo Phân ban chỉ đạo PCLB [Phòng Chống Lụt Bão] miền nam, tính đến ngày 29-9, thiệt hại do lũ gây ra tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long ước tính đã lên tới 1.497 tỷ đồng [khoảng 105 triệu Mỹ Kim], trong đó tỉnh Long An 294,270 tỷ đồng, Đồng Tháp 471,534 tỷ đồng, An Giang 252,63 tỷ đồng,*

Kiên Giang 189.559 tỷ đồng và Vĩnh Long 57 tỷ đồng.

Lũ đã làm hư hỏng 690.532 nhà, trong đó 1.599 nhà bị sập; 447 trụ sở cơ quan, 221 trạm y tế, 2.140 điểm trường với 10.178 phong học bị ngập nước, 668.616 học sinh phải tạm thời nghỉ học. Toàn vùng có 10.939 ha lúa vụ ba bị chết, 15.954 ha lúa mùa và lúa vụ ba bị ngập và mất trắng, ngoài ra còn 50.239 ha lúa bị ngập, làm giảm năng suất. Diện tích hoa màu, cây ăn trái và cây công nghiệp bị úng ngập và hư hại lên tới 84.324 ha và 10.192 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản bị ngập. Hơn 17.455.000 m³ đất bờ bao, kênh bị sat lở, 954 km quốc lộ, tỉnh lộ, 7.353 km đường giao thông thị xã, thị trấn và đường giao thông nông thôn bị ngập. 1.609 cây cầu bị sập và hư hỏng.

Đặc biệt, toàn vùng có 187 người chết và mất tích, trong đó có 154 trẻ em; 58.918 hộ cần di dời, hiện đã di dời được 33.706 hộ; 114.362 hộ cần được cứu trợ, trong đó 65.512 lượt hộ đã được cứu trợ; 42.109 hộ bị đói và còn 10.192 hộ khác có khả năng bị đói trong nhiều ngày... Các tỉnh vùng lũ ở đồng bằng sông Cửu Long đã nhận được 32 tỷ đồng cứu trợ của Chính phủ, 11 tỷ đồng từ các ngành và nhân dân trong tỉnh và 12 tỷ đồng từ các tỉnh bạn trong cả nước" (15)

Mức thiệt hại vẫn còn đang tăng nhanh. Tính đến ngày 1 tháng 10, thiệt hại về vật chất đã lên đến 2.012 tỷ đồng và số người chết và mất tích đã lên đến 224 người, trong số đó có 178 trẻ em (16). Con số thiệt hại về người và của cải do trận lũ lụt năm 2000 gây ra đã vượt quá số thiệt hại của một vài trận lũ lụt đã xảy ra (17):

Năm	Thiệt hại vật chất (tỷ đồng)	Số người chết hoặc mất tích
1978	1.056,686	90
1984	619,497	105
1991	882,758	139
1994	2.284,000	407
1995	Không có dữ kiện	150
1996	1.713,857	162

ĐẶC ĐIỂM THỦY HỌC CỦA TRẬN LŨ LỤT NĂM 2000

Mặc dù các dữ kiện về mực nước, đường thoát

lũ, và tình trạng ngập lụt không đầy đủ và không thể kiểm chứng được về mức độ chính xác, trận lũ lụt năm 2000 ở DBSCL đã cho thấy nhiều điểm hết sức đặc biệt về phương diện thủy học. Những đặc điểm này có thể được tóm tắt như sau:

1. Mực nước sông Tiền tại Tân Châu và sông Hậu tại Châu Đốc dâng cao, nhanh, và sớm hơn bình thường khoảng một tháng. Chỉ riêng trong khoảng thời gian từ 17 đến 30 tháng 7, mực nước tại Tân Châu dâng lên 0,97 m và mực nước tại Châu Đốc dâng lên 1,04 m. Đến ngày 1 tháng 8, mực nước trong sông Tiền tại Tân Châu đo được 4,22 m (cao hơn mực nước cùng ngày năm 1961 khoảng 1,40 m) và mực nước trong sông Hậu tại Châu Đốc đo được 3,79 m (cao hơn mực nước cùng ngày năm 1961 khoảng 1,60 m). (Hình 4)

2. Mực nước cao nhất tại Tân Châu và Châu Đốc trong trận lũ lụt năm 2000 không tương ứng với mực nước cao nhất của các trận lũ lụt lớn đã xảy ra. Nếu dựa theo mực nước cao nhất ở Tân Châu (5,06 m), trận lũ lụt năm 2000 đứng hạng thứ tư sau các trận lũ lụt năm 1961 (5,28 m), 1966 (5,19 m), và 1996 (5,09 m). Nhưng nếu dựa theo mực nước cao nhất ở Châu Đốc (4,90 m), trận lũ lụt năm 2000 vượt qua trận lũ lụt năm 1966 (4,89 m) và chỉ thua trận lũ lụt năm 1961 (4,94 m). (Hình 3).

3. Biểu đồ mực nước trong sông Tiền tại Tân Châu và sông Hậu tại Châu Đốc trong trận lũ lụt năm 2000 có đỉnh nhọn chứ không có dạng một parabol ngược của trận lũ lụt năm 1961 (Hình 4) và các năm khác.

4. So với mực nước trong sông Tiền tại Tân Châu, mực nước trong sông Hậu tại Châu Đốc cao hơn mực nước trong trận lũ lụt năm 1961 một cách khác thường. Mức chênh lệch lớn nhất của mực nước trong hai trận lũ lụt năm 2000 và 1961 trong sông Hậu tại Châu Đốc khoảng 1,70 m xảy ra vào ngày 7 tháng 8, trong khi mức chênh lệch lớn nhất của mực nước trong sông Tiền tại Tân Châu có khoảng 1,40 m xảy ra vào ngày 2 tháng 8. Khi đạt đến đỉnh lũ, mực nước trong sông Hậu tại Châu Đốc cao hơn mực nước cùng ngày năm 1961 khoảng 60 cm, trong khi mực nước trong sông Tiền tại Tân Châu chỉ cao hơn mực nước cùng ngày năm 1961 chỉ có khoảng 15 cm.

5. Dựa theo mực nước trong sông Tiền tại Tân Châu và sông Hậu tại Châu Đốc, mực nước lụt năm

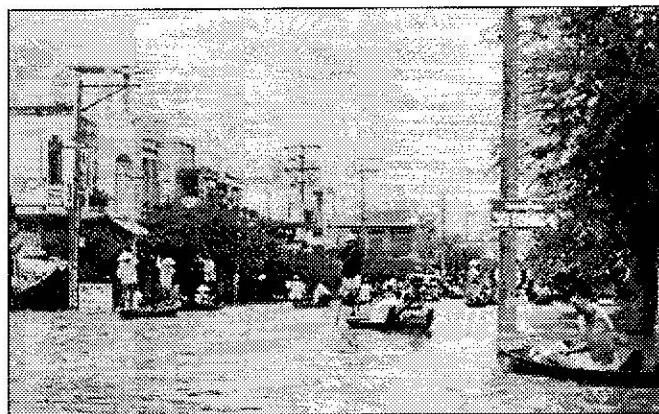
2000 trong vùng ĐTM và khu TGLX cao hơn rất nhiều so với mực nước lụt năm 1996. Mặc dù mực nước cao nhất trong sông Tiền tại Tân Châu trong trận lũ lụt năm 2000 (5.06 m) thấp hơn mực nước cao nhất trong trận lũ lụt 1996 (5.09 m) 3 cm, mực nước ở các trạm nội đồng trong vùng ĐTM năm nay đều cao hơn trận lũ lụt năm 1996 từ 20 đến 40 cm. Tuy mực nước cao nhất trong sông Hậu tại Châu Đốc trong năm 2000 (4.90 m) cao hơn năm 1996 (4.71 m) 19 cm, mực nước lụt trong vùng TGLX trong năm 2000 lại dâng cao hơn rất nhiều so với năm 1996. Thí dụ như tại trạm Xuân Tô ở An Giang, mực nước lụt năm 2000 cao hơn mực nước lụt năm 1996 đến 44 cm (14).

6. Nước lũ lan rộng về hạ lưu ở phía Đông làm cho mực nước lụt trong vùng này dâng cao hơn năm 1996. Tại thị xã Tân An, chỉ còn một vài con đường cao như Quốc Lộ 1A, đường Hùng Vương, và đường Nguyễn Đình Chiểu là ở trên mặt nước. Nhiều nơi, mực nước ngập cao khoảng 40 cm. Do ảnh hưởng của thủy triều, nước chỉ ngập từ 3 giờ cho đến 10 giờ sáng và từ 3 giờ chiều cho đến 10 giờ tối. Trong các trận lũ lụt trước, kể cả trận lũ lụt năm 1996, thị xã Tân An chưa bao giờ bị ngập như vậy. Nước lũ sông Cửu Long cũng đã làm ngập nhiều nơi ở các huyện ngoại thành như Bình Chánh, Hóc Môn, và Củ Chi của thành phố Hồ Chí Minh và có khả năng làm ngập nhiều nơi ở Quận 8 và Quận 12, nếu mực nước lụt dâng cao hơn hiện nay.

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH HÌNH LŨ LỤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Lưu lượng nước lũ ở vùng hạ lưu vực sông Mekong chịu ảnh hưởng của mưa do gió mùa Tây Nam mang đến. Vào mùa hè, lục địa nóng hơn đại dương rất nhiều; cho nên, khí áp thấp phát sinh ở vùng Mông Cổ trong khi khí áp cao phát sinh ở vùng xích đạo trong Ấn Độ Dương. Vì vậy, gió thổi từ biển vào lục địa theo hướng Tây Nam – Đông Bắc qua bán đảo Ấn Độ và Đông Dương. Chế độ gió này xuất hiện từ tháng 5 cho đến tháng 9 và mang theo rất nhiều mây. Mùa mưa trong lưu vực sông Mekong chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam này. Gần 90 % lượng mưa hàng năm trong lưu vực sông Mekong, khoảng 1.700 mm, do gió mùa Tây Nam mang đến mà cao nhất là trong tháng 9

với lượng mưa trung bình khoảng 300 mm. Triền phía Tây của dãy Trường Sơn trong lãnh thổ Lào, vì nằm thẳng góc với hướng gió mùa Tây Nam, nên chịu ảnh hưởng của hiện tượng Foehn hay Chinook nhiều nhất và có lượng mưa cao nhất trong toàn lưu vực. Lượng mưa trung bình hàng năm trong vùng này lên đến 4.000 mm (10). Hiện tượng Foehn hay Chinook là một hiện tượng thời tiết mô tả đặc tính của gió mang nhiều mây khi thổi qua một rặng núi. Vì gió phải bốc lên cao để vượt qua núi, mây biến thành mưa rồi rơi xuống triền núi “đầu gió.” Khi qua khỏi rặng núi, gió trở nên khô và nóng. Có lẽ vì lý do đó, gió mùa Tây Nam được gọi nôm na là gió Lào ở miền bắc và trung Việt Nam, vì nó nóng và khô sau khi thổi qua nước Lào!



Mặc dù lưu lượng nước lũ trong hạ lưu vực sông Mekong chịu ảnh hưởng của mưa do gió mùa Tây Nam mang đến, hiện tượng El Nino không thể xem như nguyên nhân chính của các trận lũ lụt lớn gần đây ở DBSCL. Thực vậy, nếu các trận lũ lụt này do hiện tượng El Nino gây ra thì lưu lượng lũ trong sông phải nhiều hơn; và do đó, mực nước tại Tân Châu và Châu Đốc trong các năm này phải cao hơn năm 1961. Dữ kiện đo đạc tại hai trạm này đã không cho thấy điều đó. Thí dụ như mực nước cao nhất tại Tân Châu chỉ đo được 4,83 m trong năm 1978, 4,96 m trong năm 1984, 4,80 m trong năm 1991, 4,53 m trong năm 1994, 4,30 m trong năm 1995, và 4,87 m trong năm 1996. Mực nước cao nhất trong các năm này đều thấp hơn mực nước cao nhất của năm 1966 (5,19 m) và năm 1961 (5,28 m).

Một cách tương tự, hiện tượng El Nino cũng không phải là nguyên nhân chính của trận lũ lụt

năm 2000 ở vùng hạ lưu vực sông Mekong, bởi vì mực nước cao nhất tại Tân Châu và Châu Đốc đều thấp hơn mực nước của trận lũ lụt năm 1961. Nếu lượng mưa trong lưu vực sông Mekong năm nay không cao hơn mức trung bình thì nguyên nhân chính khiến cho lũ lụt trong lưu vực sông Mekong năm nay cao hơn mọi năm có lẽ là những trận mưa to đầu mùa sớm hơn bình thường. Các trận mưa này làm cho lưu vực hoàn toàn bị ướt sũng nên không còn khả năng hấp thu và giữ nước (reduction and retention capacity) như trước. Tất cả nước mưa của các trận mưa tiếp theo, vì không còn bị cây cối ngăn chặn hoặc không thể ngấm xuống đất, đã biến thành nước lũ tràn xuống hạ lưu nhiều hơn và nhanh hơn, mặc dù lượng mưa có thể ít hơn. Việc phá rừng làm giảm khả năng hấp thu và giữ nước của lưu vực nên cũng có thể làm cho tình hình lũ lụt năm 2000 nghiêm trọng hơn, nhất là lúc đầu mùa mưa. Việc điều hành các đập thủy điện cũng có thể làm cho tình hình lũ lụt năm 2000 nghiêm trọng hơn nếu nước trong hồ được xả cùng một lúc với nước lũ chảy qua đập.

Trong vùng DBSCL, tình hình lũ lụt năm 2000 nghiêm trọng hơn rất nhiều so với tình hình lũ lụt đã xảy ra trong những năm trước mặc dù mực nước trong sông Tiền và sông Hậu chưa đạt đến mức của những năm này. Nguyên nhân khiến cho tình hình lũ lụt ở DBSCL năm nay trầm trọng hơn chính là những dự án thủy lợi và giao thông được thực hiện trong hơn hai thập niên qua.

Thật vậy, DBSCL là một vùng đồng bằng thấp và có nhiều vùng trũng mà quan trọng nhất là vùng ĐTM và vùng trũng Rạch Giá còn được gọi là khu TGLX. Các vùng trũng này được bao bọc bởi các giồng đất cao dọc theo sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Cỏ Tây, và bờ vịnh Thái Lan. Từ giữa thập niên 1980, ngoài việc nạo vét và nới rộng các con kinh hiện có, một hệ thống kinh thủy lợi (danh từ hiện nay để gọi thủy nông) dày đặc được đào xuyên qua vùng ĐTM, khu TGLX, và một số vùng khác trên khắp DBSCL. Diễn hình là kinh Trà Sư ở khu TGLX và các kinh Hồng Ngự, Tân Thành – Lò Gạch, và kinh 79 ở vùng ĐTM. Có một số kinh nối với các kinh bên Cambodia.

Vì không có công trình đầu mối để kiểm soát lưu lượng, hệ thống kinh thủy lợi này biến thành những lòng lạch thuận lợi cho nước lũ từ Cambodia

tràn vào các vùng trũng này dễ dàng hơn, nhanh hơn, và nhiều hơn. Lượng nước lũ này - thay vì được tự do chảy trở lại sông Tiền và sông Hậu ở hạ lưu, hoặc thoát ra vịnh Thái Lan, hoặc đổ vào sông Vàm Cỏ để thoát ra biển Đông - đã bị ngăn chặn bởi một hệ thống đường giao thông được xây mới hoặc nâng cao hơn mực nước lụt năm 1961. Diễn hình là Quốc Lộ 80, đường Long Xuyên – Tri Tôn, và đường Long Xuyên – Núi Sập – Huệ Đức ở TGLX và Quốc Lộ 62 ở vùng ĐTM. “Để tránh mực nước lên quá cao ở phía bắc, tỉnh đã quyết định phá bỏ một số đoạn trên [Quốc] lộ 80” (18). Quốc Lộ 62 từ Tân Thành đến Mộc Hóa bị ngập sâu hơn 1 m, có nơi sâu đến 2 m (19).

Sau khi tràn qua hệ thống đường giao thông này, nước lũ lại bị ngăn chặn một lần nữa bởi hệ thống đê đập cống được xây ở cuối đường thoát lũ thiên nhiên để ngăn chặn sự xâm nhập của nước mặn. Diễn hình là hệ thống đê ngăn mặn dọc theo bờ Vịnh Thái Lan ở khu TGLX và hệ thống đê ngăn mặn dọc theo sông Vàm Cỏ Tây trong vùng ĐTM. Vì bị ngăn chặn, nước lũ tích tụ lại khiến cho mực nước lụt dâng cao hơn. Vì cầu cống của hệ thống đường giao thông và đê đập cống ngăn mặn không đủ khẩu độ, nước lũ phải mất nhiều thời gian hơn để thoát ra biển làm thời gian ngập lụt kéo dài hơn.

Nhận xét này cũng không khác gì với nhận xét của những chuyên viên thủy lợi có trách nhiệm trong việc phát triển DBSCL hiện nay. Thật vậy, “Trong 2 thập kỷ qua con người đã tác động mạnh mẽ lên châu thổ sông Mekong. Nhiều kênh đã được đào, nhiều đường giao thông đã xây dựng, đã làm thay đổi chế độ dòng chảy trên châu thổ đã làm gia tăng lượng dòng chảy tràn qua biên giới vào các vùng ĐTM và TGLX của Việt Nam, đã làm suy giảm khả năng tải nước của sông Tiền và làm dâng cao mực nước lũ ở các vùng ĐTM và TGLX... Cùng với việc lũ lớn xảy ra ở thương du với tần số ngày càng cao, những ảnh hưởng của con người tác động lên châu thổ đã làm cho lũ ở DBSCL ngày càng nghiêm trọng hơn” (11).

“Những ảnh hưởng của con người tác động lên châu thổ đã làm cho lũ ở DBSCL ngày càng nghiêm trọng hơn” được minh chứng một cách mạnh mẽ hơn bao giờ trong trận lũ lụt năm 2000 mà điển hình là “dự án thoát lũ ra biển Tây,” được thực hiện tiếp theo sau quyết định 99/TTg ngày 9 tháng 2 năm

1996 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Ân Niên, Chủ tịch Hội đồng Khoa học, Nguyên Viện trưởng Viện Khoa học thủy lợi miền Nam, cơ quan có trách nhiệm thực hiện dự án, các công trình đã hoàn tất trước trận lũ lụt năm 2000 gồm có: “Ở tứ giác Long Xuyên, là bờ bao vượt lũ Nam kênh Vĩnh Tế, 2 đập cao su kiểm soát lũ Trà Sư và Tha La, cầu cạn thoát nước Hữu Nghị, nạo vét kênh Vĩnh Tế, đào mới các kênh T4, T5, T6, Lung Lớn và nhiều kênh thoát ra biển Tây, xây dựng hơn 10 cống và đập cao su ngăn mặn, mở rộng khẩu độ cầu thoát lũ qua QL 80 (đoạn Rạch Giá – Hà Tiên). Còn ở Đồng Tháp Mười, chúng ta đã đào kênh Tân Thành – Lò Gạch và đắp bờ phía Nam kênh, nạo vét và đào nhiều kinh mới tiêu nước về sông Tiền, sông Vàm Cỏ Tây, làm mới 5 cầu và 12 cống đôi, mở rộng khẩu độ nhiều cầu qua QL 1A (đoạn Mỹ Tho – Mỹ Thuận). Thí điểm để bao tôn nền cho khu dân cư ở vùng ngập sâu như thị trấn Tân Hồng, Vĩnh Hưng... Đã hình thành một số tuyến dân cư dọc theo bờ bao, nhờ Chính phủ cho bà con vay tiền (tổng cộng trên 1.000 tỷ đồng) để tôn nền và làm nhà trên cọc” (20). Mặc dù dự án thoát lũ ra biển Tây được đánh giá là có hiệu quả tốt, mà theo lời của Tiến sĩ Bùi Đạt Trâm, Giám đốc Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủ Y văn An Giang: “... có thể khẳng định nếu lũ xảy ra ngang đỉnh lũ 1996 hoặc thậm chí ngang đỉnh lũ 1961, thiệt hại so với trước đây giảm rất nhiều” (21), những dữ kiện và tin tức chưa đầy đủ ghi nhận được cho đến nay đã cho thấy nhiều hiệu quả... trái ngược!

Để giải thích cho tình hình lũ lụt nghiêm trọng ở Kiên Lương trong khu TGLX, Chánh văn phòng của Liên Đoàn Lao Động tỉnh Kiên Giang cho biết: “Đây là nơi ‘hẹn gặp’ của hai nguồn nước: Một từ An Giang đổ về theo các tuyến kênh thoát lũ ra biển Tây, hai là từ Campuchia tràn qua. Vì là nơi ‘hẹn gặp’, nên Kiên Lương đã thành cái túi nước khổng lồ hiện nay” (22). “Để đối phó với lũ lớn, Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực UBND [Ủy ban Nhân dân] tỉnh Kiên Giang đã chỉ đạo ngành nông nghiệp cho mở hết các kênh, cống thoát lũ ra biển Tây, đồng thời một số đoạn đê quốc phòng đang cản trở dòng chảy cũng được phá bỏ để thoát lũ” (18). Để quốc phòng này dài 5 km chảy dọc theo ven biển để ngăn mặn cho vùng Kiên Lương ở Kiên Giang. “Chi cục quản lý Công trình thủy lợi và PCLB [Phòng chống

Lụt bão] Kiên Giang vừa cho phá năm đoạn đê ngăn mặn tuyến Kiên Lương – Hòn Đất và phá một đoạn từ kênh Lung Lớn đến Rạch Đồng để tăng cường thoát lũ...” (23).

Mực nước lũ trong sông Hậu năm nay dâng cao một cách bất thường. Trong khi mực nước cao nhất trong sông Tiền tại Tân Châu thấp hơn mực nước cao nhất của trận lũ lụt 1996, thì mực nước trong sông Hậu tại Châu Đốc vượt qua mực nước cao nhất trong trận lũ lụt năm 1966. So với trận lũ lụt năm 1996, là năm chưa có dự án thoát lũ ra biển Tây, mực nước lũ năm nay trong khu TGLX dâng cao hơn mực nước trong sông Hậu tại Châu Đốc. Thí dụ như tại Xuân Tô, mực nước lũ năm nay cao hơn mực nước lũ năm 1996 đến 44 cm, trong khi mực nước trong sông Hậu tại Châu Đốc năm nay chỉ cao hơn năm 1996 có 19 cm. Điều này cho thấy mực nước lũ trong sông Hậu và đầu nguồn khu TGLX đã bị cản trở bởi các công trình của dự án thoát lũ ra biển Tây như bờ bao vượt lũ Nam kênh Vĩnh Tế, 2 đập cao su kiểm soát lũ Trà Sư và Tha La,... Cuối nguồn của khu TGLX như ở Kiên Lương, nước lũ theo các kinh mới đào của dự án thoát lũ ra biển Tây như T4, T5, T6, Lung Lớn và một số kinh khác đã bị ngăn chặn lại bởi chính các công trình của dự án thoát lũ ra biển Tây như các cống và đập cao su ngăn mặn và hệ thống đê biển.

Bên phía ĐTM, mực nước cao nhất trong sông Tiền tại Tân Châu năm nay tương đối thấp hơn so với mực nước cao nhất trong sông Hậu tại Châu Đốc có lẽ do tác dụng của “một số kinh tạo nguồn vào ĐTM” (25), một phần của dự án thoát lũ ra biển Tây, mà điển hình là kinh Tân Thành – Lò Gạch và kinh Hồng Ngự. Các kinh tạo nguồn này chính là những lòng lạch thuận lợi giúp cho nước lũ trong sông Tiền tràn về phía Đông nhanh hơn, nhiều hơn, và lan rộng hơn. Mực nước ngập trong vùng ĐTM thuộc tỉnh Long An cao hơn mực nước lũ năm 1996 gần 50 cm mặc dù mực nước cao nhất trong sông Tiền tại Tân Châu thấp hơn năm 1996 3 cm. Lần đầu tiên trong lịch sử lũ lụt ở DBSCL, phần lớn thị xã Tân An đã bị ngập lụt nghiêm trọng, và nước lũ từ ĐTM đang đe dọa các quận huyện của thành phố Hồ Chí Minh. Một số các công trình “vượt lũ” khác cũng đã chìm trong nước lụt. Thí dụ như Quốc lộ 62 từ Tân Thạnh lên Mộc Hóa bị ngập từ 1 đến 2 m và “nền chợ Gãy Cờ Đen – vốn được quy hoạch cao

hơn đinh lũ năm 1996 – nay cũng bị nhấn chìm hơn 1 tấn nước” (26). Theo Phân ban PCLB miền Nam, chỉ tính đến ngày 4 tháng 10 năm 2000, con số thiệt hại của trận lũ lụt năm 2000 đã lên đến 2.582 tỷ đồng (khoảng 180 triệu Mỹ Kim) và làm thiệt mạng 264 người (27), tức vượt quá con số thiệt hại của trận lũ lụt năm 1996 (1.714 tỷ đồng và 162 người chết).

BIỆN PHÁP ĐỐI PHÓ VỚI TRẬN LŨ LỤT NĂM 2000

Ngoài những nét đặc thù về phương diện thủy học, trận lũ lụt năm 2000 còn có nhiều điểm đặc biệt khác mà đáng chú ý là các biện pháp đối phó từ địa phương đến trung ương. Một vài đặc điểm đáng chú ý trong việc đối phó với trận lũ lụt năm 2000 ở DBSCL được tóm lược như sau.

“Giữa tháng 7, Đoàn cán bộ do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT [Phát triển Nông thôn] – Trưởng ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão (PCLB) TƯ [Trung ương] đã kịp thời đi kiểm tra tình hình lũ và ngập úng tại các tỉnh bị thiệt hại nặng nề nhất làm việc với các địa phương, đề ra các phương án chống lũ, cứu lúa hè thu. Ban chỉ đạo PCLB TƯ đang đề nghị Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ khoảng 17 tỷ đồng để mua thêm dầu cho bơm tiêu úng và cung cấp bờ bao cho các tỉnh Long An, Đồng Tháp, và An Giang” (28). Phương án cung cấp bờ bao cục bộ được đưa ra có lẽ để “mua thời gian” cho lúa hè thu đang chín tới, vì “...lũ năm 1999 rút muộn, kéo theo vụ đông xuân bị chậm 20-30 ngày, lại gấp lũ năm 2000 về sớm hơn gần 1 tháng so với mọi năm...” (29).

Thế nhưng, “...Những đê bao chống lũ cục bộ bảo vệ an toàn sản xuất lúa của tỉnh An Giang với cả đồng bằng sông Cửu Long đã mất dần theo mực nước lũ cao hằng ngày. Đê bao từ chỗ tưởng chừng rất cơ bản đã bộc lộ chỗ hạn chế, chưa đồng bộ và mang tính chắp vá” (24). Do đó, ngày 3 tháng 8, Ban chỉ đạo PCLBTU gởi công điện cho 12 tỉnh vùng DBSCL yêu cầu “Huy động mọi lực lượng để gia cố bờ bao, bơm rút nước chống úng và khẩn trương thu hoạch lúa. Vùng bờ bao khó bảo đảm an toàn phải gặt ép để tránh mất trắng” (30). Thế là “...Lúa chưa chín nhưng chủ phải bấm bụng gặt vì nếu không sẽ mất trắng. Không có công cắt, hai vợ chồng và ba đứa con cùng lặn mò trong nước gom

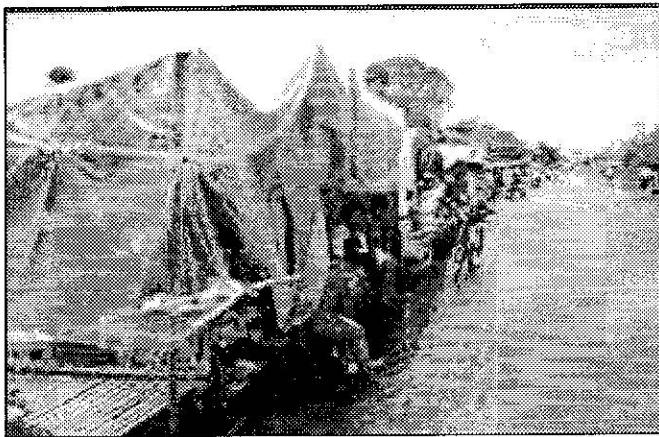
được mớ nào hay mớ ấy. Thấy có đoàn nhà báo đến, chú thở dài nói: ‘Phải cắt lúa non thôi, chỉ còn được một ít nhưng vẫn hơn là phải tay...’ Chú lại thở dài” (Hình 5) (2). Chắc chắn người nông dân vùng DBSCL này thừa biết rằng việc cắt lúa non là một việc “Dã tràng xe cát biển Đông. Nhọc lòng mà chẳng ra công cán gì.” Nhưng chú vẫn phải làm!!!



Gặt lúa non để chạy lũ năm 2000

Dường như các giới chức có thẩm quyền ở địa phương đều rất tin tưởng vào “sự nghiệp làm thủy lợi” trong những năm qua và có vẻ chủ quan khi chuẩn bị đối phó với trận lũ lụt năm 2000. Trong một cuộc phỏng vấn ngày 23 tháng 7, chính quyền ở một số tỉnh cho biết: “Ở Long An hiện nay dù có lũ lớn thì nhà cửa của người dân cũng không bị ảnh hưởng lớn... Điều có thể yên tâm là bà con đã có nhiều kinh nghiệm ứng phó với lũ trong những năm qua nhiều hộ dân đã định cư tại các cụm, tuyến dân cư né lũ. Đồng Tháp cũng đang xúc tiến kiểm tra lại toàn bộ hệ thống đê bao để bảo vệ những nơi xung yếu nhất... Do hệ thống đê bao, giao thông nông thôn đã tương đối hoàn chỉnh, lại đang được gia cố và người dân vùng lũ đã có ý thức, kinh nghiệm đối phó với lũ nên sẽ không có ảnh hưởng nghiêm trọng, trừ tình huống đội biển ngoài dự báo. Tuy nhiên, trong bất kỳ tình huống nào tỉnh An Giang cũng nỗ lực cao nhất để tránh xảy ra mọi hậu quả xấu” (31). Cho đến khi các hệ thống đê bao không còn gia cố được nữa và khi các đập Trà Sư và Tha La của dự án thoát lũ ra biển Tây bị nước lũ nhấn chìm trong biển nước ngày 26 tháng 7, thì hầu như không có một kế hoạch khẩn cấp nào để đối phó với lũ lụt đang dâng cao. Sự tin tưởng và chủ

quan này vẫn còn kéo dài cho đến giữa tháng 9 vì “*Lũ lớn, nhưng đồng bào các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã vỡng vàng, bình tĩnh vượt lũ. Các khu dân cư vượt lũ cùng hàng trăm nghìn căn nhà trên cọc được Nhà nước giúp đỡ xây dựng ba năm qua đã giúp đồng bào tạm sống yên ổn với lũ lớn. Đặc biệt, hệ thống kênh thoát lũ ra biển Tây đã phát huy hiệu quả lớn dù lũ đã cao hơn đỉnh lũ 1996, nhưng thiệt hại lại ít hơn rất nhiều*” (32). Nhưng chỉ một tuần lễ sau thì “*Hàng vạn hécta lúa hè-thu né lũ (chính vụ) đã chìm trong lũ sớm, hàng ngàn căn nhà cất trên cọc từng yên ổn suốt ba mùa lũ bây giờ cọc đã ‘lặn’ dưới dòng nước vàng quanh cồn nhà trở thành lều chơi voi trên gò đất cao hoặc ‘cắm’ dọc quốc lộ, tỉnh lộ...*” (Hình 6) (1).



Nơi tạm trú bên đường của người dân chạy lụt

Thông thường, đối phó với lũ lụt là một việc khó khăn và phức tạp đòi hỏi một sự chuẩn bị rất chu đáo, hay nói cách khác, phải có kế hoạch thật chi tiết và cụ thể. Kế hoạch này phải được soạn thảo từ trước, cập nhật hóa thường xuyên, và có thể áp dụng bất cứ lúc nào. Kế hoạch phải có nhiều phương án để đối phó với mọi tình huống, để khi một phương án không còn hiệu quả thì có một phương án khác thích hợp với tình huống lúc đó được sẵn sàng để áp dụng.

Đối phó với lũ lụt ở vùng ĐBSCL lại càng khó khăn và phức tạp hơn vì những điều kiện địa hình và thủy học hết sức đặc thù của vùng này. Một thí dụ điển hình là việc di tản người dân trong vùng ngập đến những nơi an toàn. Ở miền bắc và miền trung, người dân có thể di chuyển đến những vùng đất cao hơn mực nước lụt ở gần đó để lánh nạn.

Còn ở ĐBSCL, vì là một vùng đất bằng phẳng bao la, những vùng đất cao như vậy không phải là dễ tìm. “*Mọi người bây giờ như ngồi trên lửa, toàn huyện có 8.000 hộ phải di dời mà chỉ di dời được 3.000 hộ, số còn lại đang cố gắng sắp xếp, nhưng nơi đây, hầu như trên địa bàn huyện không có gò đất cao nào mà không có người dời đến dựng chòi, có hộ đã dời đến ba lần rồi mà vẫn không yên với con nước lũ cứ dâng cao và vượt đỉnh lũ năm 1996 này*” (26). Ngay cả hệ thống đường giao thông, là những nơi cao nhất, cũng nằm dưới mực nước lụt. Chính vì vậy, ngoại trừ trường hợp bị nước chảy xiết vì năm ngay trên đường thoát lũ hoặc nước ngập quá nóc nhà, người dân ĐBSCL không chạy lụt. Họ ở tại chỗ và đối phó với lũ bằng cách kê vật dụng và tài sản của họ lên cao hơn mực nước (Hình 7). Đó là một biện pháp chủ động để tự sống còn mà người dân ĐBSCL đã áp dụng một cách có hiệu quả từ nhiều thế kỷ qua, và có thể nói biện pháp đối phó với lũ lụt đó đã trở thành tập tục. Cho nên, muốn cho các kế hoạch đối phó với lũ lụt ở ĐBSCL thành công thì không thể không xem xét đến cái tập tục này.

Cũng vì điều kiện địa hình và thủy học hết sức đặc thù, phương tiện giao thông dùng cho việc đối phó với lũ lụt ở ĐBSCL cũng đặc biệt, chẳng hạn như tàu cánh quạt (airboats) hoặc tàu nệm hơi (air-cushion vehicles), để có thể đi lại khắp nơi một cách dễ dàng và nhanh chóng. Trong trận lũ lụt năm 2000, phương tiện di chuyển chính yếu dùng cho việc cứu cấp và cứu trợ đường như là những chiếc “đuôi tôm” và “tắc ráng.” “*Chúng tôi cũng không còn nhớ là chiếc xuồng máy đã chở gao đi trong bao lâu để đến được với bà con xã Tân Khánh Hòa...*” (22). “*Phải mất 5 tiếng đồng hồ ngồi trên tắc ráng, chúng tôi mới vào được điểm hẹn ở huyện Tân Hưng...Nước xoáy, gió lớn, chiếc tắc ráng chở [gạo] chỉ dám xê dịch từng chút một...*” (26). Mãi đến đầu tháng 10, nghĩa là sau khi nước lũ đã rút xuống, một số phương tiện giao thông vận tải khác mới được đưa đến ĐBSCL, trong số này có 20 chiếc ca-nô loại 60 mã lực “...của Chính phủ cấp để hỗ trợ việc phòng, chống lũ lụt ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Số ca-nô nói trên được phân bổ như sau: An Giang năm chiếc, Đồng Tháp năm chiếc, Kiên Giang ba chiếc, Tiền Giang năm chiếc, và Long An năm chiếc” (16). Đến ngày 3 tháng 10, tỉnh Kiên

Giang mới được Bộ Giao thông vận tải hỗ trợ một tàu 239 mã lực và Ban chỉ huy PCLB tiền phương mới được thành lập tại huyện Tân Thạnh, Long An gồm lực lượng công binh, quân y, xe thông tin, xe cứu thương, hai tàu vận tải, năm ca-nô, xuồng cao tốc và lực lượng xuồng ghe, ba máy bay trực thăng để “...sẵn sàng di dời nhân dân khi có sự cố” (35).

Biện pháp nổi bật nhất để đối phó với trận lũ lụt năm 2000 có lẽ là quyết định của tỉnh Kiên Giang trong việc khai thông một số đoạn của Quốc Lộ 80 (Rạch Giá đi Kiên Lương), mở hết các cống ngăn mặn, và phá bỏ một số đoạn đê biển ở Kiên Lương để giúp cho nước lũ từ TGLX thoát ra vịnh Thái Lan dễ dàng hơn. Việc thực hiện quyết định này có lẽ được bắt đầu vào ngày 20 tháng 9 (36). Những biện pháp này chắc chắn đã làm giảm bớt tình trạng ngập lụt ở TGLX và rất có thể là một trong những yếu tố khiến cho mực nước lũ trong sông Tiền và sông Hậu tại Tân Châu và Châu Đốc bắt đầu rút xuống một cách “bất ngờ” từ ngày 23 tháng 9 năm 2000.

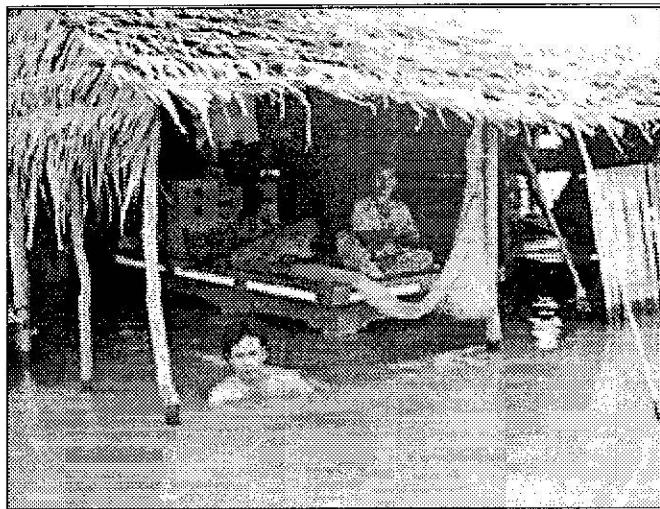
SỐNG CHUNG VỚI LŨ VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỦU LONG

Chính phủ Việt Nam đã có kế hoạch 5 năm 1996-2000 cho việc phát triển thủy lợi, giao thông và xây dựng nông thôn vùng ĐBSCL.

Cơ sở hạ tầng của kế hoạch 5 năm này là những trục chính của hệ thống thủy lợi và giao thông. Về thủy lợi, phải định hình được hệ thống kênh trực tao nguồn tiêu thoát lũ, úng, chua, phèn,... kết hợp với việc hình thành các cụm, các tuyến dân cư, đảm bảo sinh hoạt của vùng ngập lũ, ở vùng nước mặn có nguồn nước ngọt, mở ra địa bàn khai hoang tăng vụ... Về giao thông, phải hình thành được một hệ thống giao thông thủy và bộ tương đối hoàn chỉnh, đồng bộ giữa hệ thống giao thông các cấp và hệ thống thủy lợi, hệ thống giao thông đó không được tạo thành vật cản dòng chảy làm tăng cao thêm nước lũ... (37).

“Tư tưởng chỉ đạo chủ yếu của kế hoạch này là ‘thoát lũ,’ ‘phân lũ,’ ‘né lũ,’ và ‘vượt lũ’ để ‘sống chung với lũ’ bằng cách đào nhiều trục kênh lớn để thoát lũ ra vịnh Thái Lan giống như truyền thống của ông cha ta đã từng đào kênh Vĩnh Tế và hàng trăm ngàn cây số kênh trên 300 năm qua. Kế hoạch

thực hiện quyết định 99/TTg quả là một kế hoạch vĩ đại mang tầm cõi quốc gia quy mô nhất và có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng trong thế kỷ 20. Đồng thời nó cũng có ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc đối với nhân dân ĐBSCL trong nền ‘VMKRN’ [Văn minh Kênh rạch Nam bộ], trong việc giải quyết mối ‘quan hệ giữa người và thiên nhiên’ để chủ động phòng tránh và hạn chế những thiệt hại do thiên tai lũ lụt gây ra” (37).



Người dân ĐBSCL kê đồ đạc lên cao khỏi mặt nước để đối phó với lũ lụt

Trận lũ lụt năm 2000 đã minh chứng một cách hùng hồn rằng ĐBSCL không thể được phát triển một cách thái quá và con người không thể “sống chung” với lũ lụt lớn ở ĐBSCL. Những công trình thủy lợi để “thoát lũ” và “phân lũ” cùng với những biện pháp “né lũ” và “vượt lũ” được thực hiện trong kế hoạch triển khai quyết định 99/TTg khiến cho người dân ĐBSCL “lãnh đủ” trong trận lũ lụt năm 2000, nhất là những người đi “khai hoang phục hóa” các vùng ngập sâu trong vùng DTM và khu TGLX.

Vậy mà giới chức có trách nhiệm trực tiếp trong việc quy hoạch và phát triển ĐBSCL dường như vẫn chưa nhận thức được điều đó. Họ vẫn còn muốn nâng cao trình cho đập Trà Sư lên 4,2-4,5 m thay vì 3,8 m như hiện nay, nhất thiết phải nâng cao trình cho QL 91, gia cố bờ bao, và tôn nền nhà theo mức đỉnh lũ năm nay (20). Họ muốn nạo vét kinh hiện có như kinh Hồng Ngự, kinh 79 cho sâu hơn và rộng hơn; hoàn thành các công trình thoát lũ ra biển Tây, các công trình giữ ngọt, ngăn mặn; rút kinh

nghiệm các phương án làm nhà trên cọc, tôn nền để có phương án hoàn chỉnh; rà soát lại quy hoạch các khu dân cư để làm đê bao; và nâng cấp các tuyến lộ 62, 30, 91 (33).

Họ quyết tâm làm như vậy, có lẽ vì họ tin tưởng hoàn toàn vào kết quả của những mô hình toán VRSAP, TLUC, và KOD 01 mà họ đã dùng để tính toán lũ ở ĐBSCL mặc dù “*có một thực tế là cho đến cuối năm 1996 các mô hình hiện nay chỉ mới đủ sức luận chứng những vấn đề mang tính chất vĩ mô, mà chưa đủ sức mô tả chính xác đến từng chi tiết hiện tượng dòng chảy 2 chiều phức tạp thỏa mãn được yêu cầu cao của quy hoạch lũ đề ra... Dù dùng phương pháp xử lý như thế nào, thì kết quả vẫn phụ thuộc vào chủ quan người tính toán.* Vì vậy kết quả tính toán phụ thuộc rất nhiều về trình độ và sự hiểu biết thực tế chế độ thủy văn, thủy lực chung sông Mekong của người sử dụng mô hình” (11). Những mô hình này là những mô hình một chiều (one dimension) nên chỉ có khả năng tính toán dòng chảy trong một lòng lạch cố định chứ không có khả năng tính toán lũ trong một điều kiện rất phức tạp như ở ĐBSCL nơi mà nước lũ có thể tràn bờ để chảy tràn lan trên mặt đất theo cả ba chiều của không gian (three dimensions), cho dù các mô hình một chiều này có được “hiệu chỉnh” cho đến đâu đi chăng nữa!

Những biện pháp vừa được giới chức có trách nhiệm trực tiếp trong việc quy hoạch và phát triển ĐBSCL đưa ra dường như đang làm cho rất nhiều người lo ngại, kể cả cấp lãnh đạo cao nhất hiện nay ở Việt Nam. “*Làm thế nào để xây dựng ĐBSCL sống chung với lũ – câu hỏi này đã được đặt ra từ mùa lũ 1996, tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa tìm được câu trả lời chính xác. Quá nhiều vấn đề cần phải được nghiên cứu, tìm tòi và thử nghiệm. Các nhà khoa học phải nghiên cứu thêm về sông Tiền và sông Hậu: cách phân tán nước, thoát lũ như thế nào?... các nhà khoa học tổng kết lại tất cả những đợt lũ đã qua, cái gì đã chế ngự được thì tiếp tục phát huy, cái gì chưa thì phải tiếp tục tìm hiểu, khắc phục: chỗ nào cần đào kênh cũng phải nghiên cứu thật kỹ lưỡng!... Số dân trong khu vực ngày càng đông lên, nhất là cái rốn Đồng Tháp Mười, như vậy, ý định thành lập một huyện mới ở Đồng Tháp Mười có thể thực hiện được không?*” (38). Những mối lo ngại này hoàn toàn thuận lý và có cơ sở hết sức

vững chắc, đó là thiệt hại lớn lao về người và của trong trận lũ lụt năm 2000 so với thiệt hại của các trận lũ lụt trước năm 1996.

PHẦN KẾT LUẬN

Bốn năm sau kể từ năm 1996, ĐBSCL lại chìm trong biển nước. Biển nước của trận lụt năm Canh Thìn 2000! Khác với năm 1996, biển nước năm 2000 đến với người dân ĐBSCL sớm hơn, nhanh hơn, sâu hơn, và đang có khả năng “sống chung” với họ trong một thời gian dài hơn. Mặc dù mực nước cao nhất trong sông Tiền tại Tân Châu và sông Hậu tại Châu Đốc chưa phá kỷ lục của các trận lũ lụt đã xảy ra, trận lũ lụt năm 2000 đã có những điểm hết sức đặc thù. Nổi bật nhất là mực nước cao nhất của sông Hậu tại Châu Đốc đã vượt quá mực nước cao nhất của trận lũ lụt năm 1966, trong khi mực nước cao nhất của sông Tiền tại Tân Châu còn thấp hơn mực nước cao nhất của trận lũ lụt năm 1996. Nước lũ đã ào ạt đổ vào rồi dần lại trong TGLX và ĐTM làm cho mực nước lụt ở đây phá kỷ lục từ trước cho đến nay. Nước lũ tràn về hạ lưu làm lụt lội các thị xã Cao Lãnh, Sa Đéc, Vĩnh Long, và Mỹ Tho bên bờ sông Tiền; các thị xã Châu Đốc, Long Xuyên và thành phố Cần Thơ bên bờ sông Hậu. Nước lũ đã nhấn chìm thị trấn Mộc Hóa trên đầu nguồn sông Vàm Cỏ Tây; và lần đầu tiên trong lịch sử lũ lụt ở ĐBSCL, nước lũ đã tràn ngập hầu hết thị xã Tân An ở cuối nguồn sông Vàm Cỏ Tây. Nước lũ sông Cửu Long cũng đã vượt sông Vàm Cỏ Đông để... tiến về Sài Gòn! Con số thiệt hại về người và của trong trận lũ lụt năm 2000 cũng đã vượt quá con số của trận lũ lụt năm 1996, và vẫn còn đang tiếp tục gia tăng! Còn những thiệt hại khác, chẳng hạn như hệ thống sinh thái và môi trường, chắc chắn không phải là không quan trọng.

Tại sao tình hình lũ lụt năm 2000 ở ĐBSCL lại nghiêm trọng hơn tình hình lũ lụt của các năm trước, mặc dù mực nước cao nhất trong sông Tiền và sông Hậu chưa đạt đến mực nước của những năm này? Một cách khách quan, chính xác, và khoa học; có thể nói nguyên nhân chính khiến cho tình hình lũ lụt năm 2000 ở ĐBSCL nghiêm trọng hơn các trận lũ lụt của các năm trước chính là các hệ thống kinh thủy lợi, các hệ thống đường giao thông, các hệ thống đê bao, và các hệ thống đê đập và cống ngăn mặn đã được thực hiện trong hai thập